

Số: **1742**/BC-KTTC

V/v giải trình lợi nhuận chênh lệch
10% so với cùng kỳ năm trước

Tp.HCM, ngày 20 tháng 07 năm 2020

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI.**

Căn cứ Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành giải trình về việc lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo tài chính Quý 2 năm 2020 biến động tăng hơn 10% so với cùng kỳ năm 2019 như sau:

- Lợi nhuận sau thuế Quý 2 năm 2019 là: 8.742.718.033 đồng
- Lợi nhuận sau thuế Quý 2 năm 2020 là: 1.744.168.236 đồng

STT	Chỉ tiêu	Quý 2 năm 2020	Quý 2 năm 2019	Chênh lệch so với cùng kỳ năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	102.983.031.448	115.844.033.034	(12.861.001.586)
2	Giá vốn hàng bán	77.106.102.574	81.329.178.443	(4.223.075.869)
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.876.928.874	34.514.854.591	(8.637.925.717)
4	Doanh thu hoạt động tài chính	291.908.876	91.935.000	199.973.876
5	Chi phí tài chính	579.069.785	574.765.644	4.304.141
	<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	<i>579.069.785</i>	<i>574.765.644</i>	<i>4.304.141</i>
6	Chi phí bán hàng	12.536.586.329	12.022.810.546	513.775.783
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.261.018.661	10.422.330.884	(2.161.312.223)
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	4.792.162.975	11.586.882.517	(6.794.719.542)
9	Thu nhập khác	9.641.991	12.162.457	(2.520.466)
10	Chi phí khác	220.712.156	6.326.577	214.385.579
11	Lợi nhuận khác	(211.070.165)	5.835.880	(216.906.045)
12	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.581.092.810	11.592.718.397	(7.011.625.587)
13	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.836.924.574	2.850.000.364	(13.075.790)
14	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.744.168.236	8.742.718.033	(6.998.549.797)

Lợi nhuận sau thuế quý 2 năm 2020 giảm 6.998.549.797 đồng so với quý 2 năm 2019. Nguyên nhân chủ yếu là:

(1)	Do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên sản lượng tiêu thụ Quý 2 năm 2020 giảm 1.664.259 m ³ , dẫn đến doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 12.861.001.586 đồng.
(2)	Giá vốn hàng bán giảm 4.223.075.869 đồng do sản lượng nước mua vào giảm 2.242.002 m ³ nên giá vốn mua sỉ nước sạch giảm 2.138.887.417 đồng, chi phí di dời đồng hồ nước cho khách hàng giảm 1.095.288.830 đồng, chi phí quản lý sản xuất giảm 988.900.152 đồng.
(3)	Từ điểm (1) và (2) trên, dẫn đến Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 8.637.925.717 đồng
(4)	Doanh thu từ hoạt động tài chính tăng 199.973.876 do Công ty có thêm các Hợp đồng tiền gửi kỳ hạn từ 3 đến 6 tháng tại các Ngân hàng thương mại.
(5)	Chi phí tài chính tăng 4.304.141 đồng do tăng chi phí lãi vay từ các khoản vay tại Ngân hàng thương mại nhằm phục vụ cho công tác chống thất thoát nước.
(6)	Chi phí bán hàng tăng 513.775.783 đồng do tăng chi phí chống thất thoát nước so với cùng kỳ năm trước.
(7)	Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 2.161.312.223 đồng do giảm chi phí cho nhân viên, chi phí mua ngoài, giảm chi phí bằng tiền khác.
(8)	Từ các nguyên nhân trên, Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Công ty quý 2 năm 2020 giảm 6.794.719.542 đồng.
(9)	Thu nhập khác giảm 2.520.466 đồng do giảm các khoản thu bất thường khác so với cùng kỳ năm trước.
(10)	Chi phí khác tăng 214.385.579 đồng do Công ty phải nộp số tiền chậm nộp thuế theo Quyết định số 1361/QĐ-CT ngày 29/04/2020 của Cục Thuế Tp.HCM.
(11)	Từ điểm (9) và (10) dẫn đến Lợi nhuận khác giảm 216.906.045 đồng
(12)	Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh giảm 6.794.719.542 đồng, lợi
(13)	nhuận khác giảm 216.906.045 đồng nên Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế
(14)	giảm 7.011.625.587 đồng. Từ đó, dẫn đến Thuế Thu nhập doanh nghiệp quý 2 năm 2020 giảm 13075.790 đồng.

Trên đây là nguyên nhân chính làm ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh quý 2 năm 2020 của Công ty.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: KTTC, VT

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thành Phúc